TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH D	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 06 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH D

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hiếu
Ông Trương Văn Nhân

***Thư ký Tòa án*:** Bà Ngọc Thị Ngoan - cán bộ Tòa án nhân dân huyện N

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Phùng Mỹ H (Xíu), sinh năm 1991 tại D; nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh D; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn D (chết) và bà Phạm Thị N; có chồng là Nguyễn Minh T (ly thân) và có 2 con (đang sống với chồng) lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra (có mặt).

Người bị hại: Hồ Thị Kim K, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: 282/2 phường B, Tp. P, tỉnh B
Tạm trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh D

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lý Huy C, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện N, tỉnh D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Mỹ H là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 18 giờ ngày 20/4/2017, H cùng với Th, T, U (chưa rõ nhân thân) đến nhà chị Hồ Thị Kim K, sinh năm 1994, ngụ ấp B, xã P, huyện N uống rượu và hát karaoke. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H và U đi bộ ra về. Thấy vậy, chị K mượn và điều khiển xe mô tô

hiệu Wave an pha màu trắng mang biển số 60C2-39810 của anh Lý Huy C, sinh năm 1985, ngụ tại ấp B, xã P, huyện N (là chồng chị K) chạy theo U và H để chở U và H đi về nhà H. Khi gặp U và H đang đi bộ trên đường nông thôn thuộc ấp B, xã P, huyện N, chị K dừng xe mô tô trước người H và đi bộ lại chỗ U. Lợi dụng chị K rời khỏi xe mô tô và chìa khóa đang để ở ổ khóa xe nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô, H liền lên xe mô tô và nổ máy chạy đi. Chị K thấy vậy liền kêu H dừng xe, H không dừng mà tiếp tục điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Khi đến tiệm bánh mỳ HN thuộc ấp B, xã P, huyện N. H gặp anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1988, ngụ tại ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh B và một thanh niên tên L (chưa rõ nhân thân), H nhờ anh P, L đi cùng H đến xã V, huyện N bán xe mô tô mà H vừa chiếm đoạt của chị K cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) với giá 4.500.000 đồng, Hạnh cho anh P 600.000 đồng, tiêu xài hết 1.393.000 đồng, còn lại 2.507.000 đồng. Ngày 21/04/2017, anh C làm đơn tố cáo H gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N. Ngày 22/04/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã làm việc với H, H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ: Số tiền 2.507.000đồng có được do bán xe mô tô biển số 60C2-39810 do H giao nộp và 600.000 đồng do anh P giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 120/KLGĐ-HĐĐG ngày 16-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: Giá trị chiếc xe môtô biển số 60C2-39810 là: 14.400.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra Phùng Mỹ H đã bồi thường cho anh Lý Huy C với số tiền 9.000.000đồng và số tiền 3.107.000 đồng H đã giao nộp theo thỏa thuận để bồi thường cho anh C, anh C đã làm đơn bãi nại.

Tại bản cáo trạng số 08/CT.VKS ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh D truy tố Phùng Mỹ H về tội "cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Ý kiến của bị hại không yêu cầu bồi thường vì là xe của anh C. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 3.107.000đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo H về tội "cướp giật tài sản"; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Phùng Mỹ H từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.107.000đồng để đảm bảo thi hành án.

- Xét các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là có tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Vào khoảng 20 giờ, ngày 20/4/2017 tại đường hẻm thuộc ấp B, xã P khi chị K chạy xe mô tô Honda Wave biển số 60C2-398.10 đến đưa bị cáo về nhà nhưng bị cáo không đồng ý, chị K mới dựng xe gần chỗ bị cáo đứng, lợi dụng lúc chị K đang nói chuyện với bạn bị cáo nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe và lập tức thực hiện hành vi lấy xe nổ máy chạy thoát mặc dù chị K có yêu cầu dừng lại trả xe. Sau đó, cùng với L và P đem xuống xã V bán cho một người không rõ nhân thân với giá 4.500.000đồng, bị cáo cho P 600.000đồng, số còn lại tiêu xài và mua ma túy đá sử dụng với L. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phùng Mỹ H phạm tội "cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và làm mất trật tự trị an tại địa phương. Lợi dụng sự sơ hở của chị K bị cáo bất ngờ lấy xe một cách công khai và nhanh chóng tẩu thoát làm cho chị K không kịp ứng phó. Theo định giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 14.400.000đồng. Hiện nay, tình trạng cướp giật diễn ra hết sức phức tạp, làm cho quần chúng nhân dân lo sợ và hết sức bất bình, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Hoàng Pcó hành vi cùng bị cáo đi bán xe mô tô biển số 60C2-39810, nhưng không biết chiếc xe này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với tên L có hành vi cùng bị cáo đi bán xe mô tô biển số 60C2-39810 và người đàn ông có hành vi mua xe này do không rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[4] Các biện pháp tư pháp: Anh C yêu cầu bồi thường thêm số tiền 3.107.000đồng là có cơ sở nên buộc bị cáo bồi thường. Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.107.000đồng (bị cáo nộp 2.507.000đồng, anh P nộp 600.000đồng) để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phùng Mỹ H phạm tội "cướp giật tài sản";

Áp dụng khỏan 1 Điều 136; điểm b, p khỏan 1, khoản 2 Điều 46; Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu … sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Phùng Mỹ H 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án phạt tù.

Buộc bị cáo H phải bồi thường cho anh Lý Huy C số tiền 3.107.000đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.107.000đồng để đảm bảo việc thi hành án (theo biên lai thu số 009274 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:
-TA tỉnh ĐN;
-VKS,CA,THA huyện;
-Bị cáo, bị hại;
-Người liên quan;
-Lưu hồ sơ.